

Số: 35/TTKT

V/v biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi KTMH  
học kỳ hè, năm học 2025-2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026

**Kính gửi: Trưởng các khoa**

Căn cứ kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2025-2026, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai kế hoạch biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi kết thúc môn học học kỳ hè, năm học 2025-2026 đến các Khoa như sau:

**1. Đối với các môn học đã có Ngân hàng câu hỏi thi:**

- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ trích xuất đề thi từ ngân hàng câu hỏi thi đối với các môn học theo danh sách đính kèm bên dưới.

- Các Khoa phân công Giảng viên kiểm tra và ký duyệt đề thi trích xuất từ ngân hàng câu hỏi thi **từ ngày 05/08/2026 đến ngày 12/08/2026** tại phòng A104 và A105 (gặp cán bộ phụ trách).

**2. Đối với các môn học còn lại (các môn không có trong bảng danh sách các môn học trích xuất đề thi từ NHCHT):**

- Các Khoa tổ chức biên soạn, phân biện và nộp đề thi (file + bản giấy có chữ ký) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104 – gặp Cô Hiền theo kế hoạch cụ thể sau:

| STT | Khoa                      | Thời gian  |
|-----|---------------------------|------------|
| 1   | Khoa Cơ khí               | 12/08/2026 |
| 2   | Khoa Du lịch              | 12/08/2026 |
| 3   | Khoa Điện – Điện tử       | 12/08/2026 |
| 4   | Khoa Quản trị kinh doanh  | 12/08/2026 |
| 5   | Khoa Ngoại ngữ            | 12/08/2026 |
| 6   | Khoa Giáo dục đại cương   | 13/08/2026 |
| 7   | Khoa Công nghệ Thời trang | 13/08/2026 |
| 8   | Khoa Công nghệ thông tin  | 13/08/2026 |
| 9   | Khoa Kinh tế-Tài chính    | 13/08/2026 |

- Để tính khối lượng biên soạn đề thi các khoa nhập thông tin Giảng viên biên soạn, phân biện, duyệt đề trước ngày **13/08/2026** tại đường link:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1ao9ZKpp81vXkuN0HZMK6c5MbpozRc6A/edit?gid=272904180#gid=272904180>

**3. Đối với các môn học tổ chức thi thực hành, tiểu luận, bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.**

- Các khoa gửi lịch thi (*file + bản giấy có chữ ký*) và đề thi (*file + bản giấy có chữ ký*) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104- gặp Cô Hiền trước ngày thi 20 ngày.

**4. Mẫu đề thi, đáp án và phản biện đề thi:**

Các biểu mẫu khảo thí bao gồm:

- + Mẫu đề thi;
- + Mẫu phiếu trả lời trắc nghiệm;
- + Mẫu phiếu Phản biện đề thi;
- + Mẫu phiếu phách đính kèm Phiếu làm bài kỳ thi kết thúc môn học.
- Được khai thác tại: <http://khaothi.hitu.edu.vn/bieu-mau-khao-thi/>

**5. Lưu ý:**

- Đối với các môn có hình thức thi trắc nghiệm + tự luận phải chuyển đổi qua hình thức thi trắc nghiệm (Ngoại trừ các môn thi của khoa Ngoại ngữ)

- Các môn học có hình thức thi tự luận: Biên soạn 02 đề thi/01 môn thi (đề thi + đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học có hình thức thi trắc nghiệm: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (tối thiểu 04 phiên bản/ 01 đề thi kèm đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học đánh giá kết quả bằng hình thức thi Bài tập lớn, tiểu luận, thực hành: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (đề thi+ đáp án+ phản biện đề thi)

- Khoa Công nghệ thông tin rà soát các môn học có hình thức thi thực hành trên máy tính và đánh dấu (X) vào bảng tính khối lượng biên soạn đề thi (TTKT sẽ căn cứ vào đó chuyển đề thi cho khoa tải đề thi lên máy tính).

- Thời gian làm bài thi:

+ *Các môn*  $\leq 2TC$  biên soạn đề thi thời gian thi 60-90 phút/ đề thi.

+ *Các môn*  $\geq 3TC$  biên soạn đề thi thời gian thi 90 - 150 phút/ đề thi.

Kính đề nghị Trưởng các khoa triển khai nội dung công văn này đến giảng viên trong khoa để thực hiện công việc theo đúng tiến độ nêu trên. (Nếu có sự thay đổi, điều chỉnh thì các Khoa phản hồi lại cho Trung tâm KT&ĐBCL trong 5 ngày kể từ ngày gửi công văn trên).

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trưởng các khoa;
- Lưu: TTKT.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Minh Nhựt**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐBCL**

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TRÍCH XUẤT ĐỀ THI  
TỪ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI**

(kèm theo Công văn số 35/TTKT ngày 27 /07/2026 của  
Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

| STT | MÃ MH  | TÊN MÔN HỌC                    | KHOA    | CB PHỤ TRÁCH |
|-----|--------|--------------------------------|---------|--------------|
| 1   | 226118 | Văn hóa ẩm thực                | DU LỊCH | T.TUẤN ANH   |
| 2   | 224311 | Biên dịch                      | NN      | T.MINH       |
| 3   | 224103 | Tiếng anh cơ bản               | NN      | T.MINH       |
| 4   | 224003 | Anh văn 1                      | NN      | T.MINH       |
| 5   | 224003 | Anh văn 1 (vấn đáp)            | NN      | T.MINH       |
| 6   | 224004 | Anh văn 2                      | NN      | T.MINH       |
| 7   | 224004 | Anh văn 2 (vấn đáp)            | NN      | T.MINH       |
| 8   | 229129 | Cấu trúc rời rạc               | CNTT    | T.MINH       |
| 9   | 229126 | Tin học                        | CNTT    | T.MINH       |
| 10  | 229038 | Nhập môn lập trình             | CNTT    | T.MINH       |
| 11  | 229104 | Kỹ thuật lập trình             | CNTT    | T.MINH       |
| 12  | 229008 | Cơ sở dữ liệu                  | CNTT    | T.MINH       |
| 13  | 229004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | CNTT    | T.MINH       |
| 14  | 225130 | Tài chính doanh nghiệp cơ bản  | KT-TC   | C. SƯƠNG     |
| 15  | 225086 | Thanh toán quốc tế             | KT-TC   | C. SƯƠNG     |
| 16  | 226016 | Marketing căn bản              | QTKD    | T.ĐỨC        |
| 17  | 226012 | Kinh tế vi mô                  | QTKD    | T.ĐỨC        |
| 18  | 226026 | Quản trị học                   | QTKD    | T.ĐỨC        |

|    |        |                             |      |       |
|----|--------|-----------------------------|------|-------|
| 19 | 228255 | Kỹ thuật điện tử            | Đ-ĐT | T.ĐỨC |
| 20 | 228261 | Kỹ thuật số                 | Đ-ĐT | T.ĐỨC |
| 21 | 228226 | Nhiệt động lực học kỹ thuật | Đ-ĐT | T.ĐỨC |
| 22 | 228076 | Truyền nhiệt                | Đ-ĐT | T.ĐỨC |
| 23 | 233054 | Cấu tạo ô tô                | CK   | T.LỘC |
| 24 | 233001 | Anh văn chuyên ngành ô tô   | CK   | T.LỘC |
| 25 | 233004 | Công nghệ lắp ráp ô tô      | CK   | T.LỘC |
| 26 | 227026 | Dung Sai Kỹ thuật đo        | CK   | T.LỘC |
| 27 | 227064 | Vẽ Kỹ Thuật 1               | CK   | T.LỘC |